

NIỆM PHẬT THẬP YẾU

(Vô Nhất đại sư Thích Thiền Tâm)

TIỂU SỬ VÔ NHẤT ĐẠI SƯ THÍCH THIỀN TÂM (1)

- **Tiểu Sử Hòa Thượng Thích Thiền Tâm (1926 - 1992)**
- Thượng Nhân pháp danh Trí Hiền, pháp tự Thiền Tâm, biệt hiệu Vô Nhất, bút hiệu Liên Du, thế danh là Nguyễn Nhật Thăng, sinh năm Ất Sửu (1926) tại làng Bình Xuân, quận Hòa Đồng, tỉnh Gò Công tỉnh Tiền Giang; Xuất gia từ năm 13 tuổi.
- Là con thứ mười của cụ Nguyễn Văn Hương, một bậc túc Nho, và cụ bà Giác Ân Trần Thị Dung. Trong khi mang thai Đại sư, cụ bà đột nhiên chăm lo làm công quả tại ngôi chùa nhỏ trong làng. Có lẽ đó là do phước nghiệp của Đại sư chiêu cảm nên điều này.
- Từ thuở nhỏ, Đại sư đã không thích chạy giỡn, chơi đùa mà thường thích thấp hương, bái xá, và theo thân phụ học chữ Nho. Đến năm lên chín tuổi, Đại sư đã có thể đọc trôi chảy các sách Nho học như Tứ Thư, các bộ truyện Tàu và viết chữ Hán khá lưu loát. Song song với việc học chữ Hán, Đại sư còn học tiếng Pháp và chữ Quốc Ngữ.
- Từ năm lên bảy tuổi, nhân mục kích cái chết rất trẻ của một thiếu niên trong xóm, Đại sư đã bắt đầu có những ưu tư về lẽ sống chết.
- Vào khoảng năm 1935, lúc lên mười tuổi, trong lúc đang cắt cỏ ruộng với thân phụ, chợt Hòa Thượng Phật Ấn, trụ trì chùa Vĩnh Tràng (Mỹ Tho), đi ngang.

TIỂU SỬ VÔ NHẤT ĐẠI SƯ THÍCH THIÊN TÂM (2)

- Đại sư liền chạy tới ba lượt đánh lễ Hòa thượng. Hòa thượng liền huyền ký về sau đưa trẻ kỳ lạ này sẽ xuất gia và nhắc nhở gia đình không nên ngăn cản.
- Cuối năm 1937, sau khi hoàn tất bậc tiểu học, Đại sư xin phép cha lên Mỹ Tho, ngụ tại chùa Vĩnh Tràng để tiếp tục học chữ và đông y.
- Chính trong thời gian này, Đại sư đã tận dụng thời gian rảnh rỗi để tự trau dồi nội điển cũng như tham học Phật pháp với bốn sư Hòa thượng Phật Ấn. Hòa thượng đặt cho pháp danh cho Đại sư là Trí Hiền.
- Do cơ duyên, Đại sư cũng được học theo nghề thuốc với một vị đông y sĩ nổi tiếng ở Mỹ Tho thời đó là thầy Tế An Đường và các vị đại phu nổi tiếng khác.
- Đến năm 1943, Đại sư đã lấy được bằng Thành Chung (tương đương Trung học Đệ nhất Cấp sau này). Trở về quê nhà, Đại sư vừa hốt thuốc cho thân mẫu đang lâm bệnh vừa giảng dạy Phật pháp cho song thân và người anh thứ năm. Dưới sự khuyến hóa của Đại sư, gia đình ngài đã biết thờ Phật và tu niệm.
- Năm 1945, sau khi cầu thỉnh xin xuất gia không được song thân chấp nhận, ngài đã lén trốn đi, tìm đến chùa Sắc Tứ Linh Thứu ở Xoài Hột để xin xuất gia với Hòa Thượng thượng Thành hạ Đạo.

TIỂU SỬ VÔ NHẤT ĐẠI SƯ THÍCH THIỀN TÂM (3)

- Đại sư được thọ Sa Di giới với pháp tự là Thiền Tâm.
- Nhận thấy Sa di Thích Thiền Tâm sẽ là một bậc long tượng cho Phật giáo Việt Nam sau này, Hòa thượng Linh Thứu đã thuyết phục Đại sư lên Sài Gòn, tìm đến Hòa thượng viện chủ Tổ Đình Ấn Quang thượng Thiện hạ Hòa để xin gia nhập Phật học viện Liên Hải (chùa Sùng Đức) hầu thụ học chương trình Trung đẳng Phật học từ năm 1948 đến năm 1950.
- Năm 1950, Đại sư thọ Cụ Túc giới và cầu pháp nơi Viện chủ Tổ đình Ấn Quang kiêm đốc giáo Phật học đường Nam Việt là Hòa thượng Thiện Hòa.
- Khi chương trình Cao đẳng Phật học khóa 1 được khai giảng, do thành tích học tập xuất sắc, Đại sư được chọn vào lớp Tăng sinh đầu tiên. Dù chỉ mới 24 tuổi, Đại sư đã được ban giáo thọ tin cậy, giao đảm nhiệm chức vị Tri Chúng (tức là trưởng tràng). Trong quá trình học tập, Đại sư luôn nổi bật về mọi phương diện học vấn, tài đức, khả năng, thiện chí.
- Khi khóa học hoàn tất vào năm 1954, trong số hơn 100 học tăng, chỉ có 13 vị được tốt nghiệp, Đại sư được xếp hạng Tối Ưu. Sau khi tốt nghiệp, Đại sư được ban giảng sư Phật học đường Nam Việt giao trách nhiệm hoằng dương Tịnh độ.

TIỂU SỬ VÔ NHẤT ĐẠI SƯ THÍCH THIỀN TÂM (4)

- Đại sư đã khẩn nài các vị tôn túc cho ngài được nhập thất chuyên tu Tịnh độ một thời gian để có thể hoàn thành trọng trách ấy; nhưng các vị tôn sư chỉ hứa khả cho ngài nhập thất trong một thời gian ngắn và phải xuất quan bất cứ khi nào Giáo hội cần đến ngài.
- Trở về Mỹ Tho, Đại sư lập cốc tại Cái Bè để chuyên tu Tịnh nghiệp suốt năm năm (1955-1960). Trong thời gian ẩn cư này, dù gặp nhiều chướng duyên khảo đảo, Đại sư vẫn tinh cần tu tập, đồng thời biên dịch hai tác phẩm quan trọng làm tư lương cho Tịnh độ học nhân Việt Nam:
 - * Trích tuyển những bài văn quan trọng trong cuốn Ấn Quang Văn Sao, soạn thành tác phẩm Lá Thư Tịnh Độ (hoàn tất năm 1956) nhằm phá nghi, hóa đạo chúng sanh tin tưởng, hành trì Tịnh nghiệp.
 - * Soạn thuật bộ Tịnh Độ Tân Lương, 2 quyển, dày 800 trang để chỉ dạy căn kế sự lợi ích thiết thực của pháp môn Tịnh độ cũng như cách thức tu hành sao cho xứng hợp với từ bi nguyện hải của đức Từ Phụ Di Đà.
- Từ năm 1960-1962, Thượng Nhân tiếp tục nhập thất tịnh tu tại Vang Quới (Bến Tre) và soạn thuật những tác phẩm quan trọng sau đây như Hương Quê Cực Lạc, Tịnh Độ Thập Nghi Luận, Tịnh Độ Pháp Nghi.

TIỂU SỬ VÔ NHẤT ĐẠI SƯ THÍCH THIỀN TÂM (5)

- Tiếp đó, trong thời gian nhập thất tịnh tu tại tịnh thất Giác Duyên (Chợ Gạo, Mỹ Tho), ngài đã phiên dịch kinh Phật Thuyết Thiện Ác Nhân Quả Báo Ứng theo thể văn vần và soạn thuật bộ Quán Vô Lượng Thọ Sớ Sao. Đây là một công trình đặc sắc tổng hợp các ý kiến phán giáo và chú giải kinh Quán Vô Lượng Thọ của các vị Tổ dư lỗi lạc như Thiên Thai Trí Giả, Linh Chi Nguyên Chiếu, Liên Tông Nhị Tổ Thiện Đạo v.v...
- Năm 1963, sau cơn pháp Nạn, viện Trung đẳng Chuyên biệt Phật học được thành lập để đào tạo tăng tài tại chùa Huệ Nghiêm (Phú Lâm, Sài Gòn). Hòa thượng Thiện Hoa đã triệu Đại sư về Sài Gòn giữ chức Viện trưởng kiêm Đốc giáo với sự phụ tá của hai vị Thượng tọa Bửu Huệ và Thanh Từ.
- Học viện sau được đổi tên thành Viện Cao đẳng Phật học Huệ Nghiêm. Để việc đào tạo được toàn diện, Đại sư đã quyết định mở thêm việc học ngoại điển theo chương trình văn hóa phổ thông theo quy định của Bộ Giáo dục. Ngoài việc giảng dạy tại Huệ Nghiêm, Đại sư còn được cung thỉnh làm giảng sư giảng dạy môn Duy Thức cho Phân khoa Phật học của Viện Đại học Vạn Hạnh và làm giáo thọ cho các ni trường Dược Sư và Từ Nghiêm.

TIỂU SỬ VÔ NHẤT ĐẠI SƯ THÍCH THIỀN TÂM (6)

- Tuy rất bận rộn, Hòa thượng vẫn tiếp tục soạn thuật các tác phẩm quan trọng sau đây: Phật Học Tinh Yếu, Niệm Phật Thập Yếu, Duy Thức Học Cương Yếu, Đại Bi Tâm Đà Ra Ni (Đại Chánh Tạng, quyển 20, kinh số 1060, bản Hán dịch của ngài Già Phạm Đạt Ma). Riêng cuốn **Niệm Phật Thập Yếu** là một tác phẩm cực quý cho hành giả Tịnh nghiệp, luận về mọi phương diện sự lý của pháp Trì Danh Niệm Phật, cách thức tu tập, ngăn ngừa chướng duyên cho hành giả Tịnh độ.
- Vì thế, tác phẩm này đã liên tục được tái bản, tục ấn. Ngay cả Tịnh Tông Học Hội Đài Loan cũng đã trùng ấn tác phẩm này với số lượng lớn (10.000 cuốn).
- Tiếc thay, Đại sư đảm nhận trách nhiệm đào tạo tăng tài cho Giáo hội nhằm ngay thời kỳ đấu tranh kiên cố của thời mạt pháp. Ngay trong số những học tăng đang theo học tại Huệ Nghiêm, không ít vị đã bị lôi cuốn vào những cuộc đấu đá, sách động nhằm tranh giành quyền lực vô bổ.
- Chủ trương chuyên tâm nghiên cứu Phật học, tuyệt đối không tham gia vào những cuộc tranh chấp thế tục khoác mĩ hiệu bảo vệ đạo pháp của Hòa thượng bị chống đối và ngài bị chỉ trích là khiếm nhược, cầu an, thiếu tinh thần tương trợ để tăng thêm “sức mạnh” cho Phật Giáo Việt Nam!

TIỂU SỬ VÔ NHẤT ĐẠI SƯ THÍCH THIỀN TÂM (7)

- Nhận thấy không thể làm gì khác hơn được để vẫn hồi tình trạng hỗn loạn nay biểu tình, mai tuyệt thực chống đối chính phủ được cầm đầu bởi những tăng sĩ hoạt đầu đầy tham vọng thời ấy, Đại sư đành chọn con đường từ nhiệm để kết thất ẩn tu.
- Năm 1967, nhân một người tục gia đệ tử là Minh Thiện đến thăm và nhắc đến ấp địa danh Phú An, thấy địa danh này phù hợp với lời tiên tri của cổ Bồn sư mình trong giấc mộng nên vào tháng 12 năm đó, Hòa thượng đã quyết chí tạ từ Hòa thượng Phó Tăng thống Thiện Hòa để xin về Đại Ninh ẩn tu, giao Phật học Viện Huệ Nghiêm lại cho Thượng tọa Bửu Huệ quản trị.
- Tuy vậy, Đại sư vẫn phải lưu Học viện một thời gian để giúp đỡ Thượng tọa Bửu Huệ theo lời yêu cầu của Hòa thượng Phó Tăng Thống. Mãi đến năm 1968, việc xây cất Hương Quang tịnh thất ở Phú An đã xong, Hòa thượng liền chính thức ẩn tu vào năm 43 tuổi!
- Đại Ninh là một vùng hoang vu nằm cách quốc lộ 20 chừng ba cây số, cạnh sông Đại Ninh thuộc khu vực thủy điện Đa Nhím. Hương Quang tịnh thất được dựng trên một vùng đất hoang vu toàn gò mồi, rần rết thuộc thôn Đại Ninh, thôn Phú An, xã Phú Hội, quận Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng.

TIỂU SỬ VÔ NHẤT ĐẠI SƯ THÍCH THIỀN TÂM (8)

- Thôn Phú An chỉ có chừng 50 nhà và chỉ có 10 nhà là người Kinh. Hương Quang tịnh thất chỉ là một căn thất nhỏ lợp chừng 2 phòng ngủ gồm 2 tầng: tầng trên để thờ Phật, tầng dưới để ở và làm việc. Về đây, Đại sư chỉ lo chuyên tu trì niệm, rảnh rỗi thì làm vườn, dọn rẫy.
- Đức hạnh của sư đã cảm nhiều loài dị loại đến nghe kinh, hộ thất. Hòa thượng đã thực hành pháp Du Già Thí Thực để hồi hướng công đức đến cho chúng. Theo các đệ tử của ngài, những loài linh xà thường hiện thân trong giấc mộng xin quy mạng, thọ giới. Hòa thượng đều hoan hỷ lập đàn truyền giới cho họ.
- Tuy đã quyết chí ẩn lánh thế tục, nhưng tứ chúng vẫn mến mộ đức hạnh của một bậc cao tăng đức hạnh nên lần lượt đổ dồn về Đại Ninh lập thất tu học. Chỉ trong vòng một năm từ 1969 đến 1970, vùng Đại Ninh hoang vắng đã trở thành một “làng tu” nổi tiếng ở Lâm Đồng. Do tứ chúng vân tập quá đông đảo, chẳngặng đặng dừng, Đại sư phải xuất quan theo lời thỉnh cầu của mọi người để lãnh đạo công việc kiến thiết một tu viện cho tứ chúng có nơi an cư tu học. Nhờ phước lực của Hòa thượng, một đại đội công binh chịu trách nhiệm tu bổ kiều lộ trong vùng đã hoan hỷ đứng ra góp phần xây cất tu viện.

TIỂU SỬ VÔ NHẤT ĐẠI SƯ THÍCH THIỀN TÂM (9)

- Đầu năm 1971, Hương Nghiêm tịnh viện được hoàn thành, trở thành đạo tràng Tịnh độ đầu tiên trong vùng. Cuối năm 1971, Đại sư giao việc quản trị Hương Quang Tịnh thất và Hương Nghiêm Tịnh viện cho đại chúng quản trị để nhập thất vĩnh viễn tại Phương Liên tịnh xứ ở gần đó. Hòa thượng dành trọn thời gian để tụng niệm, quán tưởng, lễ bái, dịch thuật.
- Trong thời gian này, Đại sư đã phiên dịch các tác phẩm quan trọng sau đây: Phật Đảnh Tôn Thắng Đà Ra Ni (Đại Chánh Tạng quyển 19, kinh số 967), Đại Nhứt Kinh Sớ (do ngài Nhất Hạnh trứ tác, Đại Chánh Tạng quyển 39, kinh số 1796 gồm 20 quyển), Mấy Điều Sen Thanh (lược dịch Tịnh Độ Thánh Hiền Lục), chú giải 100 bài kệ Niệm Phật của Tổ Triệt Ngộ, Liên Tông Thập Tam Tổ, Tam Bảo Cảm Ứng Yếu Lược Lục, Nhơn Quả Luân Hồi Tạng Lục Ký, Tây Phương Nhật Khóa và nhiều bản kinh Mật tông quý giá khác.
- Tháng Giêng năm 1989, nhận biết thân mẫu mình sắp mãn phần, Hòa thượng đã cho người đón mẹ lên Phương Liên Tịnh xứ để dùng phương tiện thiện xảo khuyến hóa mẹ nhất tâm niệm Phật
- Ngày mùng 2 tháng 5, cụ bà đến chào từ biệt Hòa thượng để đi xa. Biết mẹ đã biết trước ngày quy tịch, ngày hôm sau, Hòa thượng đã nhóm chúng hộ niệm cho cụ. Đến 12 giờ trưa ngày 3 tháng 5, cụ bà đã ngỏ lời chào vĩnh biệt và thoát hóa trong tiếng niệm Phật của đại chúng, thọ 98 tuổi.

TIỂU SỬ VÔ NHẤT ĐẠI SƯ THÍCH THIỀN TÂM (10)

- Kể từ năm 1989, thân tứ đại của Đại sư đã không điều hòa, nhưng Đại sư cương quyết khước từ bao lượt thỉnh cầu về Sài Gòn chữa bệnh của các môn đồ. Dù thân bệnh trầm kha, Đại sư luôn tinh tấn và tùy cơ nhiếp hóa chúng sanh không mệt mỏi.
- Mùng Hai tháng 8 năm 1992, biết trước ngày vãng sanh, Hòa thượng đã viết di chúc dặn dò hậu sự và chính thức chỉ định Ni sư Thanh Nguyệt làm trưởng tử và là người chịu trách nhiệm chính lo liệu hậu sự cho Đại sư vào ngày 12 tháng 10 năm 1992 để tránh những tranh chấp có thể xảy ra sau khi Hòa thượng viên tịch.
- Trong di chúc, Hòa thượng dặn các môn nhân hoặc bỏ xác ngài trong rừng hoặc quăng xuống vực thẳm để thí cho các loài chim, thú, thủy tộc; hoặc bó chiếu chôn sâu, khỏa bằng, trên trồng thơm chuối. Cùng lắm là đóng sớ mấy tấm gỗ tạp, trong độn lá chuối, trên để tấm pháp y, xây ngôi mồ cỏ đơn sớ. Trên mộ, dựng tấm bia: “**Bất huệ nạp tăng Thích Thiền Tâm hiệu Vô Nhất mai cốt xú**” (Chỗ vùi xương của ông sư thiếu trí huệ là Thích Thiền Tâm hiệu Vô Nhất).
- Đêm 20 rạng **21 tháng 11 năm Nhâm Thân 1992**, Đại sư trì niệm suốt buổi trước bàn Phật. Đến 3 giờ sáng, sư sai ni sư thị giả triệu đại chúng nhập thất hộ niệm. Đại sư thay y hậu tề chỉnh, an tọa ngòai niệm Phật giữa tiếng hộ niệm tha thiết của đại chúng. Đại sư an ủi:

TIỂU SỬ VÔ NHẤT ĐẠI SƯ THÍCH THIỀN TÂM (11)

- - Hãy bình tâm lại, đừng có khóc nữa. Ta được về Tây là điều hân hạnh, các con hãy theo đó mà cố gắng niệm Phật chuyên cần. Nếu được như vậy, ắt một ngày kia sẽ cùng hội ngộ nhau nơi miền An Dưỡng.
- Rồi ngài đọc kệ thị tịch:
Đời ta chỉ gởi chốn Liên Trì
Trần thế vinh hư sá kể gì
Bốn tám năm dài chuyên lễ niệm
Mừng nay được thấy đức A Di.
- Nói xong, Đại Sư yên lặng nhập định. Đến 6 giờ 15 phút, Đại sư bỗng mở mắt, chấp tay nói:
- - Ta đi đây! Đại chúng nên bảo trọng.
- Rồi tay vẫn kết ấn Di Đà định, an nhiên tọa hóa quy Tây ngay trên bản tọa. Đại sư thọ 68 tuổi đời, 48 tuổi đạo, hạ lạp 42.

TIỂU SỬ VÔ NHẤT ĐẠI SƯ THÍCH THIỀN TÂM (12)

- Lễ di quan, nhập tháp hoàn tất vào khoảng 8 giờ sáng ngày 25 tháng 11 năm Nhâm Thân (tức 18 tháng 12 năm 1992). Trong lễ khai mộ vào ngày 21 tháng 12, 1992, đại chúng thấy có một cặp rắn vàng óng bò đến nằm trước mộ một lúc lâu, rồi ngẩng đầu, gật đầu chào ni sư Thanh Nguyệt ba lần trước khi bò mất dạng. Theo các môn nhân, đó là cặp vợ chồng rắn đã từng quy y với Hòa thượng trước kia. Đại Sư có lưu lại một kim cang nha xỉ xá lợi (tức là một cái răng rất chắc chắn, sáng đẹp, không ai cưa cắt nổi).
- Xét công hạnh, Đại sư không những chỉ giáo hóa bằng ngôn giáo mà còn bằng cả thân giáo. Bao nhiêu người nhờ vào những tác phẩm của ngài hay được gặp gỡ ngài mà được lợi lạc nơi pháp môn Tịnh độ.
- Điềm qua những dịch phẩm và trước tác của ngài, điểm nổi bật là một trình độ Phật học uyên thâm, một mức độ hiểu biết sâu xa các nền triết học ngoài Phật giáo được trình bày bằng một văn pháp giản dị, chính xác, trong sáng, trau chuốt, nhẹ nhàng, thanh thoát, bóng bẩy nhưng không hoa mỹ, cầu kỳ, ý tứ thâm trầm nhưng dễ hiểu.

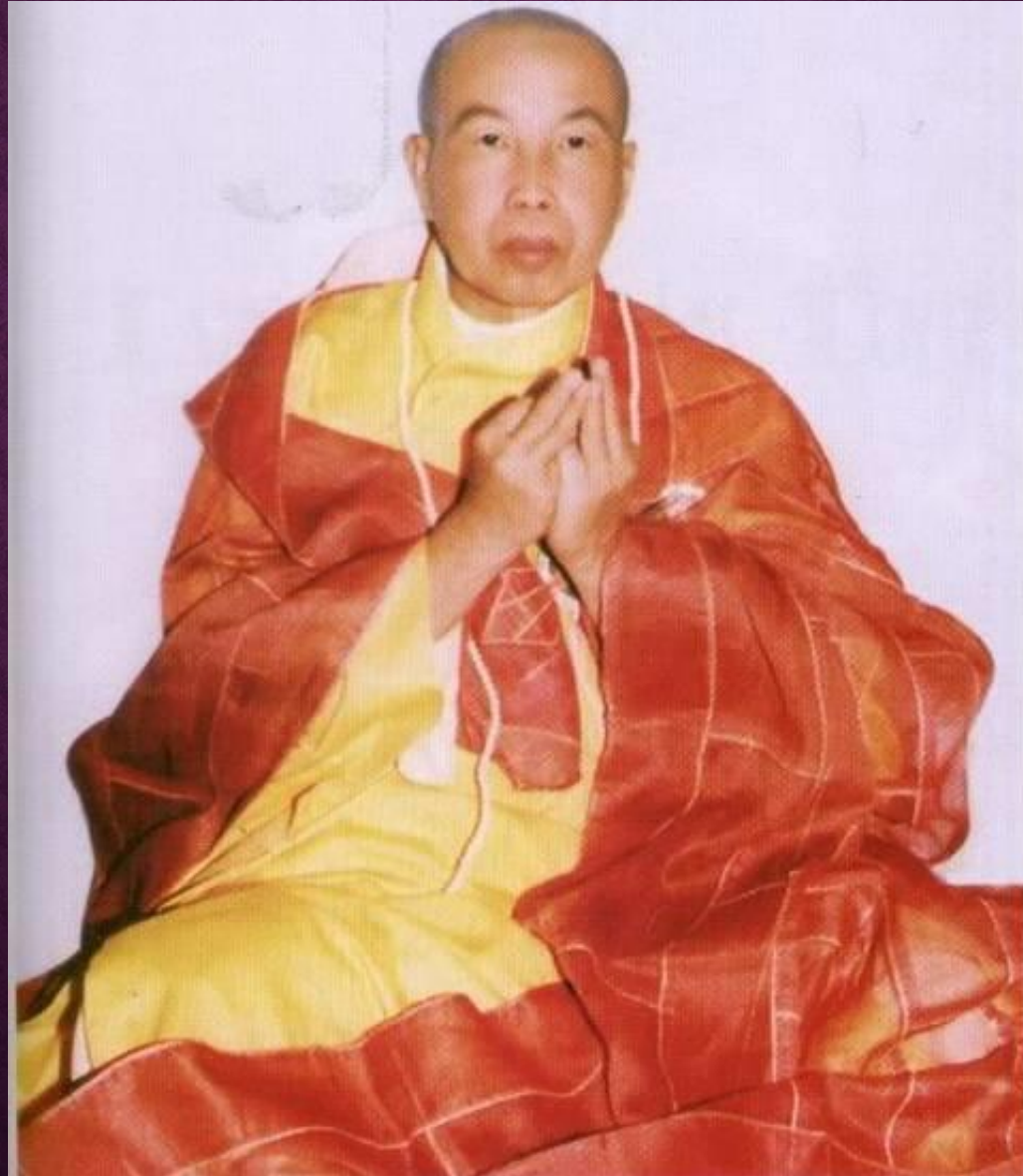
TIỂU SỬ VÔ NHẤT ĐẠI SƯ THÍCH THIỀN TÂM (13)

- Có đọc những dịch phẩm ấy, ta mới thấy kiến văn của Đại sư vô cùng quảng bác, không những chỉ đọc hết những kinh điển Tịnh độ trong Đại Tạng và Tục Tạng, Đại sư còn đọc rất nhiều tác phẩm Tịnh độ cận đại nữa.
- Tuy chuyên chú nơi Tịnh độ, Đại sư vẫn bác lãm các kinh điển của chư Tông, mà điển hình nhất là Đại sư đã được cung thỉnh dạy môn Duy Thức cho học tăng và sinh viên ngành Phật học tại Đại học Vạn Hạnh khi còn rất trẻ.
- Không những là một vị tôn sư của Tịnh độ, Vô Nhất Thượng Nhân còn là một hành giả thành tựu trong Kim Cang Thừa. Tuy chỉ dùng Mật chú làm trợ hạnh để hỗ trợ cho Tịnh nghiệp, Đại sư đã đạt những thành tựu lớn lao trong Mật tông. Rất nhiều hành giả Mật tông được pháp ích khi đến cầu học với ngài.
- Qua những dẫn giải thi thoảng đây đó trong các tác phẩm giảng dạy về Tịnh độ, ta thấy Vô Nhất Thượng Nhân là một trong số rất ít những Đại sư thâm hiểu tột cùng giáo pháp phức tạp, vi diệu của Đông Mật, nhất là hai hệ thống giáo nghĩa Kim Cang và Thai Tạng.

TIỂU SỬ VÔ NHẤT ĐẠI SƯ THÍCH THIỀN TÂM (14)

- Cùng với A Xà Lê thượng Viên hạ Đức, Đại sư Thiền Tâm được xưng tụng là tối thượng Kim Cang A Xà Lê của Mật tông Việt Nam. Khi chọn các bản kinh Mật tông để dịch, Hòa thượng cũng thận trọng chọn lấy những bản hoàn chỉnh nhất để dịch và chú giải tỉ mỉ khiến cho dịch phẩm của ngài dễ hiểu, dễ thực hành, vượt xa các dịch phẩm của những vị hoằng truyền Mật tông khác.
- Thị hiện chỉ 68 năm trên cõi trần gian này và thực sự hành hóa chỉ 42 năm nhưng Đại sư đã đóng góp rất lớn lao vào kho tàng văn hóa Phật giáo Việt Nam.
- Chỉ bằng những tác phẩm của mình, Đại sư đã hóa độ bao nhiêu tứ chúng hữu duyên, hướng hồ là những ai có cơ duyên gặp gỡ, đích thân lãnh thọ sự giáo hóa của ngài. Thế mà, Đại sư vẫn khiêm tốn chỉ xưng mình là **Vô Nhất**, lấy ý từ câu **“Nhất sự vô thành, thân tiệt lão”** (không có chuyện gì làm cho ra hồn hết mà thân đã già dần mất rồi).
- Đức hạnh, phong thái khiêm tốn ấy càng làm cho tứ chúng ngưỡng mộ, khâm kính. Ngưỡng mong hàng phật tử Việt Nam ta sẽ luôn được giác linh ngài thăm gia hộ, dìu dắt để cùng được hội ngộ chốn Lạc Bang.
- Theo "Vô Nhất Đại Sư Thích Thiền Tâm, một cao tăng cận đại của Bảo Đăng do chùa Pháp Hoa ấn hành". (PGVN)

Hòa thượng Thích Thiện Tâm (1926-1992) (15)



NIỆM PHẬT THẬP YẾU (1)

- Niệm Phật Thập Yếu, theo nhan đề là mười điều thiết yếu của môn Niệm Phật hay của người tu pháp Niệm Phật. Mười điều này sẽ diễn thành mười chương theo như trên đã nói.

Mười chương ấy như sau:

1. Niệm Phật phải vì thoát sanh tử.
2. Niệm Phật phải phát lòng Bồ Đề.
3. Niệm Phật phải dứt trừ lòng nghi.
4. Niệm Phật phải quyết định nguyện vãng sanh.
5. Niệm Phật phải hành trì cho thiết thật.
6. Niệm Phật phải đoạn tuyệt phiền não.
7. Niệm Phật phải khắc kỷ cầu chứng nghiệm.
8. Niệm Phật phải bền lâu không gián đoạn.
9. Niệm Phật phải an nhẫn các chướng duyên.
10. Niệm Phật phải dự bị lúc lâm chung.

CHƯƠNG I: ĐỆ NHẤT YẾU (1)

NIỆM PHẬT PHẢI VÌ THOÁT SINH TỬ

Mục A. Môn tịnh độ, một pháp hợp thời cơ

Mục B. Môn tịnh độ với vấn đề sanh tử

Mục C. Biết khổ phải ý thức đến sự giải thoát

CHƯƠNG I: ĐỆ NHẤT YẾU

NIỆM PHẬT PHẢI VÌ THOÁT SINH TỬ

Mục A. Môn tịnh độ, một pháp hợp thời cơ

Tiết 1: Bắc phương Phật giáo với nhân duyên tịnh độ

Tiết 2: Những huyền ký về tịnh độ

Tiết 3: Sự chuyển hướng từ Thiền sang Tịnh

NIỆM PHẬT PHẢI VÌ THOÁT SANH TỬ (2)

Khải đề

Nhìn gấm đường trần đầy khổ nhọc

Lòng tưởng Tây Phương cõi Thiên Trúc

Đầu non trắng sáng tiếng chuông ngân

Canh khuya cầm quyển Lăng Nghiêm đọc.

MỤC A. MÔN TỊNH ĐỘ, MỘT PHÁP HỢP THỜI CƠ' (1)

Tiết 1: Bắc phương Phật giáo với nhân duyên Tịnh độ

- Theo thông lệ ở thiên môn Việt Nam:
 - ✓ Vào thời khóa đầu hôm, chư Tăng Ni các chùa đều tụng Kinh A Di Đà, tiếp theo niệm hồng danh của Tây Phương Tam Thánh (Di Đà, Quán Âm, Thế Chí).
 - ✓ Và hàng Phật tử xuất gia hoặc tại gia, khi gặp người đồng đạo, đều chấp tay chào mừng bằng "A Di Đà Phật".
- Pháp môn Niệm Phật, quả thật đã ứng hợp với thời cơ, với bản hoài của Phật mà âm thầm đi sâu vào tiềm thức Phật tử Việt Nam.
- Chẳng những tại đất nước này, mà ở Trung Hoa, Triều Tiên, nơi nào có Phật Giáo lưu hành, là nơi đó hầu hết hàng Phật tử đều không quên câu niệm Phật.
- Phật Giáo đồ ở Nhật Bản cũng có truyền thoại như sau: "Mật Tông và Thiên Thai Tông để cho hàng quý phái, Thiền Tông cho võ sĩ đạo, và Tịnh Độ Tông cho hạng bình dân. Mà bình dân là hạng chiếm đa số"
- Xem thế thì biết ở các xứ Bắc Tông Phật Giáo, những người xưng niệm danh hiệu Phật A Di Đà chiếm phần tối đa.

MỤC A. MÔN TỊNH ĐỘ, MỘT PHÁP HỢP THỜI CƠ' (2)

Tiết 2: Những huyền ký về Tịnh độ (1)

- Nhưng tại sao lại có sự kiện như thế?

- ✓ Trong Kinh Vô Lượng Thọ, đức Thích Tôn có lời huyền ký: "Đời tương lai kinh đạo diệt hết, ta dùng lòng từ bi thương xót, riêng lưu trụ kinh này (Vô Lượng Thọ Kinh) trong khoảng một trăm năm. Nếu chúng sanh nào gặp kinh này, tùy ý sở nguyện, đều được đắc độ." *(Đương lai chi thế, kinh đạo diệt tận, ngã dĩ từ bi ai mẫn, đặc lưu thử kinh chỉ trụ bá tuế. Kỳ hữu chúng sanh tri tư kinh giả, tùy ý sở nguyện, giai khả đắc độ. - Vô Lượng Thọ Kinh.)*
- ✓ Nơi Kinh Đại Tập, đức Thế Tôn đã bảo: "Trong đời mạt pháp, ước ước người tu hành, ít có kẻ nào đắc đạo, chỉ nương theo pháp môn Niệm Phật mà thoát luân hồi." *(Mạt pháp ước ước nhơn tu hành, hãn nhứt đắc đạo, chỉ y Niệm Phật pháp môn, đắc liễu sanh tử. Đại Tập Kinh).*
- ✓ Ngài Thiên Như thiên sư, sau khi đắc đạo cũng đã khuyên dạy: "Mạt pháp về sau, các kinh diệt hết, chỉ còn lưu bốn chữ A Di Đà Phật để cứu độ chúng sanh. Nếu kẻ nào không tin, tất sẽ bị đọa địa ngục." *(Mạt pháp chi hậu, chư kinh diệt tận, chỉ lưu A Di Đà Phật tứ tự cứu độ chúng sanh. Kỳ bất tín giả, ưng đọa địa ngục. - Thiên Như ký ngữ).*

MỤC A. MÔN TỊNH ĐỘ, MỘT PHÁP HỢP THỜI CƠ' (2)

Tiết 2: Những huyền ký về Tịnh độ (2)

Bởi đời mạt pháp về sau khi các kinh đều ẩn diệt, chúng sanh căn cơ đã yếu kém, ngoài câu niệm Phật, lại không biết pháp môn nào khác để tu trì. Nếu không tin câu niệm Phật mà tu hành, tất phải bị luân hồi.

Và trong nẻo luân hồi, việc lành khó tạo, điều ác dễ làm, nên sớm muộn gì cũng sẽ bị đọa địa ngục.

- Ấn Quang pháp sư, một bậc cao tăng cận đại ở Trung Hoa, cũng đã bảo:
 - ✓ “Thời mạt pháp đời nay, chúng sanh nghiệp nặng tâm tạp. Nếu ngoài môn Niệm Phật mà tu các pháp khác, nơi phần gieo trí huệ phước đức căn lành thì có, nơi phần liễu thoát luân hồi trong hiện thế thì không.
 - ✓ Tuy có một vài vị cao đức hiện những kỳ tích phi thường, song đó đều là những bậc Bồ Tát nương theo bản nguyện mà làm mô phạm để dẫn dắt chúng sanh đời mạt pháp, như trong Kinh Lăng Nghiêm đã nói. Nhưng các vị ấy cũng chỉ vừa theo trình độ chúng sanh mà thị hiện ngộ đạo chứ không phải chứng đạo.

MỤC A. MÔN TỊNH ĐỘ, MỘT PHÁP HỢP THỜI CƠ' (2)

Tiết 2: Những huyền ký về Tịnh độ (3)

✓ Chỉ riêng pháp môn Tịnh Độ, tuy ít người tu chứng được Niệm Phật Tam Muội như khi xưa, nhưng có thể nương theo nguyện lực của mình và bản nguyện của Phật A Di Đà, mà đới nghiệp vãng sanh về cõi Tây Phương Cực Lạc. Khi về cõi ấy rồi thì không còn luân hồi, không bị thoái chuyển, lần lần tu tập cho đến lúc chứng quả Vô Sanh”.

Những lời huyền ký như trên cho chúng ta thấy:

- Pháp môn Niệm Phật rất hợp với nhân duyên thời tiết, và trình độ căn cơ chúng sanh đời nay.
- Vì thế đức Như Lai mới dùng nguyện lực bi mẫn lưu trụ Kinh Vô Lượng Thọ để khuyến hóa về môn Niệm Phật. Lại, chư Bồ Tát, Tổ Sư cũng khởi lòng hoằng nguyện thương xót, tùy theo thời cơ, chỉ dạy pháp môn Tịnh Độ để cứu vớt chúng sanh.
- Do những sức nguyện ấy, mà môn Tịnh Độ được phổ cập trong phần đông quần chúng.

MỤC A. MÔN TỊNH ĐỘ, MỘT PHÁP HỢP THỜI CƠ' (2)

Tiết 3: Sự chuyển hướng từ Thiền sang Tịnh (1)

- Từ xưa, môn Thiền Trúc Chỉ rất thịnh hành ở Trung Hoa, Triều Tiên và Nhật Bản.
- Nước Việt Nam ta dân tánh giàu về trực giác, lại được ảnh hưởng bởi Phật Giáo Trung Quốc, nên khi xưa Thiền Tông hầu như ở ngôi vị độc tôn. Nhất là vào đời Lý, Trần, tăng ni có cả nửa thiên hạ và hầu hết đều tu Thiền. Thời ấy Phật Giáo ở Việt Nam cực thịnh, nhiều cảnh già lam tăng chúng vân tập rất đông.
- Bởi thế nên mới có lời truyền ngữ: "Tăng phòng tam thiên ốc, sai tảo thất thập phu." Câu này nói lên sự hưng thịnh của Phật Giáo bấy giờ qua ý nghĩa "Phòng chư tăng nhiều tới ba ngàn gian, mỗi buổi sáng phải dùng đến bảy mươi người mới quét dọn kịp."
- Nhưng cơ duyên cũng theo thời mà chuyển biến. Trung Hoa từ đời Tống về sau, chư tôn túc như các ngài: Nhất Nguyên, Thiên Như, Ngẫu Ích, Triệt Ngộ, Liên Trì..., sau khi tham ngộ Thiền Tông, quán xét thời cơ, vì lòng thương xót lợi sanh, hết sức hoằng dương pháp môn Tịnh Độ.

MỤC A. MÔN TỊNH ĐỘ, MỘT PHÁP HỢP THỜI CƠ (2)

Tiết 3: Sự chuyển hướng từ Thiền sang Tịnh (2)

- Sự lần lần chuyển hướng từ Thiền sang Tịnh khởi sinh từ lúc đó. Khi ấy có rất nhiều vị thiền đức khác tuy bên ngoài truyền bá tông Thiền, nhưng bên trong lại mật tu Tịnh Độ, để bảo đảm không thoái đạo. Đây có thể gọi là thời kỳ Thiền Tịnh song hành. Cho nên trong một ngôi chùa trước kia chỉ có Thiền Đường, bây giờ lại thêm Niệm Phật Đường để cung ứng cho chư tăng tu tập.
- Bắt đầu từ đời Nguyên, Minh, Thanh về sau, thế lực của Thiền Tông lần suy kém, bởi ít người tu chứng.
- Trái lại, môn Niệm Phật lại lần chiếm ưu thế, tăng tục nhiều kẻ tu Tịnh Độ được vãng sanh. Bây giờ tuy Thiền Tông vẫn lưu hành, nhưng trên thật tế chính là thời kỳ Tịnh Độ đã nắm quyền hướng dẫn.
- Bởi ảnh hưởng đó mà ở Việt Nam, môn Niệm Phật hầu như phổ cập. Sau này do ảnh hưởng của sự chấn hưng Phật Giáo trong nước và sự hoằng hóa của chư Tăng Ni du học từ Nhật Bản và các xứ Nam Tông Phật Giáo trở về, Thiền Tông Việt Nam có lẽ sẽ tái phục.

MỤC A. MÔN TỊNH ĐỘ, MỘT PHÁP HỢP THỜI CƠ' (2)

Tiết 3: Sự chuyển hướng từ Thiền sang Tịnh (3)

- Nhưng sự thật phần đông hành giả duy hợp tu về giáo như Chỉ Quán Thiền, hoặc Tứ Thiền Bát Định, chớ khó nổi tham cứu thoát đầu thật hành môn Thiền Trục Chỉ của bên tông như thuở xưa.
- Có kẻ bảo: *“Căn tánh của ta vị tất chẳng bằng cổ hơn, chỉ tại ta tự khinh nên không cố gắng”*. Sự tự lực cố gắng tuy lúc nào cũng đáng khuyến khích, nhưng lời này thật ra không đúng:
 - ✓ Nếu căn tánh phần đông chẳng kém, tại sao Phật nói có ba thời kỳ: Chánh Pháp, Tượng Pháp và Mạt Pháp?
 - ✓ Và tại sao trong các kinh khác cũng nói đến năm thời **kiên cố**, từ **Chánh Pháp Kiên Cố** cho đến **Đấu Tranh Kiên Cố**?
 - ✓ Vả lại, tam tạng kinh điển thời nay tăng thêm nhiều và đầy đủ hơn xưa, tại sao người tu chứng tuyệt ít? Có phải do thời nay căn cơ của quần chúng phần đông đều yếu kém chăng?

MỤC A. MÔN TỊNH ĐỘ, MỘT PHÁP HỢP THỜI CƠ (2)

Tiết 3: Sự chuyển hướng từ Thiền sang Tịnh (4)

- Ấn Quang đại sư bảo:
- "Như mùa hạ mặc áo vải, mùa đông mặc áo bông; sự tu hành cũng thế, không thể trái thời tiết cơ duyên được. Dù đức Đạt Ma tổ sư tái hiện ngay lúc này, nếu muốn hợp thời cơ để cứu độ chúng sanh mau được giải thoát, cũng không có pháp nào hơn môn Niệm Phật."
- Thế nên nếu thuyết pháp không hợp cơ, tất chúng sanh bị chìm trong biển khổ. *(Thuyết pháp bất độ cơ, chúng sanh một khổ hải).*
- Kinh khuyên các bậc đồng nhơn, tuy tu môn khác, cũng nên lấy Tịnh Độ làm chỗ chỉ quy. Còn như nếu thấy mai trắng chẳng kém cúc vàng, bút giả cũng xin hết lòng tùy hỷ!

Mục B

MÔN TỊNH ĐỘ VỚI VẤN ĐỀ SANH TỬ

- Tiết 4: Niệm Phật thế nào mới hợp với bản ý của Phật?
- Tiết 5: Tám mối khổ lớn

MỤC B. MÔN TỊNH ĐỘ VỚI VẤN ĐỀ SANH TỬ (26)

Tiết 4: Niệm Phật thế nào mới hợp với bản ý của Phật? (1)

- Như trên đã nói, ở các xứ thuộc Bắc Phương Phật Giáo, người niệm danh hiệu Phật A Di Đà chiếm phần tối đa.
- Riêng tại Việt Nam, trong hàng tăng, tín chẳng những có nhiều người tu theo pháp môn Niệm Phật, mà một vài giáo phái tuy không phải đạo Phật, nhưng họ cũng niệm hồng danh đức giáo chủ ở Tây Phương.
- Song xét ra, số người niệm Phật tuy nhiều mà kẻ không rõ mục đích của sự trì niệm cũng chẳng ít
- Vì vậy sự niệm Phật của họ không hợp với bản ý của đức Thế Tôn. Thử kiểm điểm lại, ta sẽ thấy:
 - ✓ Có những vị đi chùa thấy người niệm Phật cũng bắt chước niệm theo, hoàn toàn không chủ định. Hành động này tuy cũng gieo căn lành phước đức về sau, nhưng không hợp với bản ý của Phật.
 - ✓ Có những vị niệm Phật nguyện cho tiêu tai khỏi nạn [cầu họa đi]

MỤC B. MÔN TỊNH ĐỘ VỚI VẤN ĐỀ SANH TỬ (26)

Tiết 4: Niệm Phật thế nào mới hợp với bản ý của Phật? (2)

- ✓ Cầu gia đình **khỏe mạnh bình yên**, việc sinh hoạt càng ngày thêm thanh vượng. Nguyên cầu như thế cũng tốt, nhưng không hợp với bản ý của Phật. **[cầu phước đến]**
- ✓ Có những vị đời sống gặp nhiều **cảnh không vừa ý**, sanh nổi u buồn phản chí, niệm Phật **cầu cho mình hiện tại và kiếp sau không còn gặp cảnh ấy nữa**, sẽ được xinh đẹp vinh hoa, mọi việc đều thuận lợi như ý. Cầu như thế cố nhiên vẫn tốt, nhưng không hợp với bản ý của Phật. **[cầu kiếp sau ko bị họa]**
- ✓ Có những vị cảm thấy cuộc sống trần gian không điều chi hứng thú, dù cho sang giàu quyền thế cũng còn nhiều lo lắng khổ tâm. Họ hy vọng dùng công đức niệm Phật để kiếp sau **được sanh lên cõi trời, sống lâu nhàn vui tự tại**. Cầu như thế cũng là điều tốt, nhưng không hợp với bản ý của Phật. **[cầu kiếp sau được phước lớn lên trời]**
- ✓ Lại có những vị, nghĩ mình tội chướng đã nhiều, trong một kiếp này dễ gì giải thoát, nên niệm Phật cầu cho kiếp sau **chuyển nữ thành nam, xuất gia tu hành, làm bậc cao tăng ngộ đạo**. Cầu như thế có thể gọi là xuất cách, nhưng còn thiếu trí huệ và đức tin, cũng không hợp với bản ý của Phật. **[cầu kiếp sau được nữ thành nam, xuất gia tu hành]**

MỤC B. MÔN TỊNH ĐỘ VỚI VẤN ĐỀ SANH TỬ (26)

Tiết 4: Niệm Phật thế nào mới hợp với bản ý của Phật? (3)

Vậy niệm Phật thế nào mới hợp với bản ý của Phật?

- Đức Thế Tôn thấy rõ pháp hữu vi đều vô thường, tất cả chúng sanh vẫn sẵn đủ đức tướng trí huệ của Như Lai, nhưng do bởi mê bản tâm nên tạo ra nghiệp hoặc, mãi chịu sống chết luân hồi. Dù cho được sanh lên cõi trời, khi hưởng hết phước rồi, cũng bị sa đọa.
- Vì thế, bản ý của đức Thế Tôn muốn cho chúng sanh do nơi pháp môn Niệm Phật, sớm thoát khỏi khổ sanh tử luân hồi.
- Chư Phật trong nhiều a tăng kỳ kiếp đã từng huân tu phước huệ, nếu kẻ nào xưng niệm hồng danh của Như Lai, sẽ được vô lượng vô biên công đức.
- Lại, đức A Di Đà Thế Tôn đã lập thệ: “Nếu chúng sanh nào niệm danh hiệu của Ngài cầu về Cực Lạc, kẻ ấy khi mạng chung sẽ được tiếp dẫn vãng sanh Tây Phương, chứng lên ngôi bất thối chuyển”.
- Đem công đức vô lượng của sự niệm Phật, mong cầu những phước lợi nhỏ nhen ở cõi người, cõi trời mà không cầu vãng sanh giải thoát có khác chi trẻ thơ đem hạt châu ma ni vô giá đổi lấy viên kẹo để ăn? Như thế thật là phí uổng không xứng đáng chút nào!

MỤC B. MÔN TỊNH ĐỘ VỚI VẤN ĐỀ SANH TỬ (26)

Tiết 4: Niệm Phật thế nào mới hợp với bản ý của Phật? (4)

- Lại nguyện lực của Phật rất lớn, người nào nghiệp chướng dù nặng mà chí tâm niệm Phật ngay một đời này cũng được tiếp dẫn vãng sanh. Cầu đời sau làm cao tăng ngộ đạo, là thiếu trí huệ và đức tin, làm sao bảo đảm bằng hiện đời sanh về Tây Phương, thành bậc Bồ Tát ở ngôi bất thối chuyển?
- Cho nên bản ý của đức Thế Tôn là **muốn cho chúng sanh niệm Phật để thoát khỏi vòng sanh tử luân hồi**, và sự giải thoát ấy lại có thể thật hiện ngay trong một kiếp.
- **Nhưng tại sao chúng ta cần phải thoát vòng sống chết luân hồi?**
 - ✓ Đó là vì ở trong nẻo luân hồi chúng ta xác thật đã chịu nhiều nỗi thống khổ lớn lao.
 - ✓ Nếu người học Phật mà không để tâm như thật quán sát nỗi thống khổ ấy, thì dù học Phật cũng không được kết quả tốt, bởi không có tâm lo sợ cầu thoát ly.
 - ✓ Kinh nói: **"Nếu tâm lo sợ khó sanh, tắt lòng thành khó phát"** Đức Thế Tôn khi xưa thuyết pháp Tứ Diệu Đế cho năm người nhóm ông Kiều Trần Như, trước tiên đã nói về Khổ Đế, vẫn không ngoài ý này.

MỤC B. MÔN TỊNH ĐỘ VỚI VẤN ĐỀ SANH TỬ (26)

Tiết 4: Niệm Phật thế nào mới hợp với bản ý của Phật? (5)

- ✓ Vậy chúng ta thử y theo thuyết Khổ Đế của đức Phật đã chỉ dạy, mà quán sát nỗi thống khổ của kiếp người.
- ✓ Như thế ta sẽ có được một quan niệm rõ hơn: *"Tại sao mình lại cần phải mau thoát vòng luân hồi sanh tử?"*

Tiết 5: Tám mối khổ lớn

Trong Khổ Đế của đức Thế Tôn thuyết minh, có tám điều. Nỗi khổ của kiếp người vẫn vô cùng, mà tám điều này giữ phần cương lĩnh.

1. Điều thứ nhất là Sanh Khổ, tức chỉ cho nỗi khổ trong cái sanh.

- ✓ Loài người khi ở trong thai đã có tình thức. Do có tình thức nên có sự cử động cảm xúc. Khi mẹ ăn thức lạnh vào, cảm thấy như ở trong giá băng; lúc ăn thức nóng vào, cảm thấy như bị nung đốt.
- ✓ Thai nhi sống trong chỗ chật hẹp tối tăm nhe nhóp, vừa lọt lòng đã kêu khóc oa oa.
- ✓ Rồi từ đó khi lạnh, nóng, đói, khát, muỗi kiến cắn đốt, chỉ biết kêu khóc mà thôi.

MỤC B. MÔN TỊNH ĐỘ VỚI VẤN ĐỀ SANH TỬ (26)

Tiết 5: Tám mối khổ lớn (1)

- Huệ nhãn của Phật thấy rõ những chi tiết ấy, nên Ngài xác nhận là khổ. Nếu như Sanh không khổ thì khi lọt lòng trẻ đã chẳng kêu khóc oa oa. Vì thế, cổ đức đã than:

Vừa khỏi bào thai lại nhập thai.

Thánh nhưn trông thấy động bi ai!

Huyền thân xét rõ toàn nhờ nhớp.

Thoát phá mau về tánh bản lai.

2. Điều thứ hai là Lão Khổ, tức sự khổ trong lúc tuổi già (1)

- Con người khi già rồi, các căn đều suy yếu, mắt mờ, tai lảng, lưng mỏi, chân run, ăn thấy kém ngon, ngủ không thẳng giấc, trí nhớ chẳng còn minh mẫn, làn da khô nhăn, răng lั่น lั่น đau nhức chuyển rụng.
- Dù cho bậc thanh niên tuấn nhã, hay trang thiếu nữ tiên dung, khi đến tuổi này âu cũng:

Bao vẻ hào hoa đâu thấy nữa.

Một thân khô kiệt nghĩ buồn tênh!

MỤC B. MÔN TỊNH ĐỘ VỚI VẤN ĐỀ SANH TỬ (26)

Tiết 5: Tám mối khổ lớn (2)

2. Điều thứ hai là Lão Khổ, tức sự khổ trong lúc tuổi già (2)

- Lắm kẻ tuổi già lờ lẩn, khi ăn mặc, lúc đại tiểu đều nhóp nhợ, con cháu dù thân, cũng sanh nhàm chán.
- Kiếp người dường như kiếp hoa, luật vô thường chuyển biến khi đã đem đến cho hương sắc, nó cũng đem đến cho vẻ phai tàn. Xét ra cái già thật không chi vui, thân người thật không chi đáng luyến! Vì thế đức Phật mới bảo: **già là khổ!**

3. Điều thứ ba là Bệnh Khổ, tức sự khổ trong cơn đau yếu.

- Có thân là có bệnh, từ những thứ bệnh nhẹ thuộc ngoại cảm, đến các chứng bệnh nặng của nội thương.
- Có người vướng phải những bệnh nan y như: lao, cùi, ung thư, bại xuội. Trong cảnh ấy, tự thân đã đau đớn, lại tốn kém hoặc không có tiền thuốc thang, chính mình bị khổ lụy, lại gây thêm khổ lụy cho người quyến thuộc.
- Đó là trên khổ mà gia thêm khổ! Nỗi khổ về bệnh là sự hiển nhiên, chúng ta rất dễ nhận thức.

MỤC B. MÔN TỊNH ĐỘ VỚI VẤN ĐỀ SANH TỬ (26)

Tiết 5: Tám mối khổ lớn (3)

4. Điều thứ tư là Tử Khổ, tức sự khổ trong lúc chết.

- Mọi người đều muốn sanh thuận, tử an, nhưng việc ấy rất khó được, mà khi chết phần nhiều sắc thân lại bị bệnh khổ hành hạ đau đớn.
- Thân đã như thế, tâm thì hãi hùng lo sợ, tham tiếc ruộng vườn của cải, buồn rầu phải lìa bỏ thân nhờn, muôn mối dập dồn, quả thật là khổ.
- Đề cập đến chữ Chết mấy ai đã muốn nghe, nói chi là ưa thích.

5. Điều thứ năm là Ái Biệt Ly Khổ, tức sự khổ khi xa lìa người thân yêu.

- Điều này trong hoàn cảnh chiến tranh, ta càng thấy rõ. Biết bao gia đình chịu cảnh kẻ Bắc, người Nam. Biết bao thanh niên phải dấn thân nơi trận mạc, người ở nhớ thương, kẻ đi sầu thảm. Đó chỉ là cái khổ sanh ly.
- Lại biết bao kẻ tuổi hầy còn xuân, tử thần cướp đi người yêu quý, phải chịu cảnh góa bụa bơ vơ.
- Rồi lại những kẻ cha mẹ, anh em, con cái bị đạn bom tử nạn.

MỤC B. MÔN TỊNH ĐỘ VỚI VẤN ĐỀ SANH TỬ (26)

Tiết 5: Tám mối khổ lớn (4)

- Còn biết bao trẻ em quyền thuộc đều chết, thiếu tình thân mật, sống vất vưởng nơi làng cô nhi!
- Đây là nỗi khổ về tử biệt. Cho nên trong thời buổi này, biển nhớ sông thương đã sâu dài, mà núi hận trời sầu cũng cao rộng! Cảnh sanh ly tử biệt với người thân yêu, quả thật là khổ!

6. Điều thứ sáu là Oán Tắng Hội Khổ, tức sự khổ về oan gia hội ngộ.

- Bị những kẻ đối nghịch thù oán ở gần bên gièm pha nói xấu, phá phách mưu hại, làm cho ta phải bức tức khó nhẫn, lo sợ không yên, là một điều khổ.
- Lại còn nhiều gia đình, cha mẹ anh em hoặc vợ chồng không đồng ý kiến, thường có sự tranh cãi giận ghét buồn phiền lẫn nhau. Đó khác nào sự gặp gỡ trong oan gia, đâu có chi là hạnh phúc!

7. Điều thứ bảy là Cầu Bất Đắc Khổ, tức sự khổ về mong cầu không toại ý. (1)

- Trong đời sống, con người có rất nhiều ước vọng mong cầu:
 - ✓ Đại khái như nghèo muốn cho giàu,

MỤC B. MÔN TỊNH ĐỘ VỚI VẤN ĐỀ SANH TỬ (26)

Tiết 5: Tám mối khổ lớn (5)

7. Điều thứ bảy là Cầu Bất Đắc Khổ, tức sự khổ về mong cầu không toại ý. (2)

- ✓ Xấu muốn cho đẹp,
- ✓ Không con muốn cho có con,
- ✓ Có con muốn cho nó nên người thông minh hiếu thuận.
- Ngàn muôn ước vọng như thế, cầu mong mà không toại ý, đó là nỗi khổ.

8. Điều thứ tám là Ngũ Ấm Thận Khổ, tức sự khổ về năm ấm hừng thận.

- Năm ấm là: Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức.
- Sắc ấm thuộc về thân, bốn ấm kia thuộc về tâm. Nói một cách đơn giản: Đây tức là sự khổ về thân, tâm.
- Điều thứ tám này bao quát bảy món khổ trước:
 - ✓ Thân thì sanh, già, bệnh, chết, đói, khát, nóng, lạnh, vất vả nhọc nhằn;
 - ✓ Tâm thì buồn, giận, lo, thương, trăm điều phiền lụy.

MỤC B. MÔN TỊNH ĐỘ VỚI VẤN ĐỀ SANH TỬ (26)

Tiết 5: Tám mối khổ lớn (6)

- Khi xưa thái tử Sĩ Đạt Ta dạo chơi bốn cửa thành thấy cảnh già bệnh chết, Ngài là bậc trí lực sâu xa, cảm thương đến nỗi khổ của kiếp người, nên bỏ hoàng cung tìm phương giải thoát.
- Trái lại, những kẻ trí tánh dung thường, xét nghĩ cạn cợt, không biết suy tư về cái khổ, nên hằng lấy khổ làm vui. Có kẻ, nếu nói:
 - ✓ Sanh là khổ; họ bảo: khi sanh ra tôi không biết chi, nên chẳng thấy khổ!
 - ✓ Nếu nói Già là khổ; họ bảo: hiện tại tôi chưa già!
 - ✓ Nếu nói Bệnh là khổ; họ bảo: từ trước tới giờ tôi thường khỏe mạnh, rất ít đau yếu, nếu có bệnh cũng chỉ xoàng thôi, không thấy chi là khổ!
 - ✓ Nếu nói Chết là khổ; họ bảo: cái chết chưa đến, biết đâu đó như là một giấc ngủ yên?
 - ✓ Nếu nói Thương chia lìa là khổ; họ bảo: gia quyến tôi vẫn đoàn tụ vui vẻ, không có sự biệt ly!

MỤC B. MÔN TỊNH ĐỘ VỚI VẤN ĐỀ SANH TỬ (26)

Tiết 5: Tám mối khổ lớn (7)

Thế thì kẻ ấy không có khổ ư?

- ✓ Nếu nói Oán gặp gỡ là khổ; họ bảo: tôi đâu có làm gì để ai oán ghét mưu hại?
- ✓ Nếu nói Cầu không được là khổ; họ bảo: cuộc sống của tôi đầy đủ như ý, không còn mong cầu chi khác.

Họ có khổ, tức là là sự khổ về năm ấm, hay thân tâm đều sung thạnh. Thân tâm cường kiện sung thạnh sao lại khổ?

- Chúng ta thử xem trên xã hội này, những án như: bắn giết, cướp bóc, hiếp dâm, đánh chém nhau.
- Các án tích ấy, một phần do hạng người nhàn rỗi, thân tâm quá sung mãn đầy đủ, họ bị những kích thích về tâm lý, sinh lý, ngồi đứng không yên, vô sự sanh sự, gây nên những việc hung tàn.

MỤC B. MÔN TỊNH ĐỘ VỚI VẤN ĐỀ SANH TỬ (26)

Tiết 5: Tám mối khổ lớn (8)

- Như hiện nay từ Âu Mỹ đến Việt Nam, rất nhiều kẻ sống theo trào lưu cuồng loạn, say đắm theo rượu mạnh, nhảy nhót, hút cần sa hoặc chích ma túy, dâm dật, buôn lậu, ừa vũ thoát y hoặc nhạc kích động, ăn chơi đủ cách, cho đến thích nguy hiểm, bạo hành.
- Thân và Tâm của họ không yên, như ngọn lửa phừng cháy gây nên nhiều lỗi lầm tội ác, để rồi phải chịu khổ. Đó chính là cái khổ "Năm ấm hừng thạnh".
- Tám điều trên đây gọi là Bát khổ. Tám món khổ này chỉ là đại cương, nội dung của nó còn bao gồm nhiều mối khổ khác.
- Chúng ta thử quán sát mình và người, phải chăng đã chịu ít nhiều trong Bát khổ?
- Người học Phật nếu biết suy tư đến tám mối khổ lớn của nhơn sanh, có thể gọi là đã đến gần với đạo vậy.

Mục C

Biết khổ phải ý thức đến sự giải thoát

Tiết 6: Quán về sự khổ luân hồi

Tiết 7: Muốn sớm thoát khổ, nên tu Tịnh độ

MỤC C. BIẾT KHỔ PHẢI Ý THỨC ĐẾN SỰ GIẢI THOÁT

Tiết 6: Quán về sự khổ luân hồi (1)

- ❖ Chúng sanh hết kiếp này sang kiếp khác sống chết luân hồi, xuống lên trong sáu cõi. Đó là: cõi **Trời**, cõi **Người**, cõi **A Tu La**, cõi **Bàng sanh**, cõi **Nạ quỷ**, và cõi **Địa ngục**.
- ❖ Bát khổ tuy các loài khác cũng có ít nhiều, nhưng nó là trọng tâm của nỗi khổ ở cõi **người**.
- ✓ Cõi **trời** tuy vui vẻ hơn hơn gian, nhưng cũng còn tướng ngũ suy và những điều bất như ý.
- ✓ Cõi **A Tu La** bị sự khổ về gây gỗ tranh đua.
- ✓ Cõi **Bàng sanh** như loài trâu, bò, lừa, ngựa bị sự khổ chở kéo nặng nề. Loài dê, lợn, vịt, gà, thì bị sự khổ về banh da xẻ thịt. Các loài khác chịu sự khổ về ngu tối; như nhóp ăn nuốt lẫn nhau
- ✓ Cõi **Nạ quỷ** chúng sanh thân thể hôi hám xấu xa, bụng lớn như cái trống, cuống họng nhỏ như cây kim, miệng phục ra lửa chịu đói khát trong ngàn muôn kiếp
- ✓ Còn cõi **Địa ngục** thì vạc dầu, cột lửa, hầm băng giá, non gươm đao, sự thống khổ không thể tả xiết.

MỤC C. BIẾT KHỔ PHẢI Ý THỨC ĐẾN SỰ GIẢI THOÁT

Tiết 6: Quán về sự khổ luân hồi (2)

Bốn cõi rất sau này, trong kinh gọi là Tứ Ác Thú. Từ cõi A Tu La, theo chiều xuống, nỗi khổ ở mỗi cõi cứ tuần tự gấp bội hơn lên

Trong sáu cõi, chúng sanh sống chết xoay vần hết nơi này đến nơi kia, như bánh xe chuyển lăn không đầu mối. Đại khái sanh lên cõi trời cõi người thì khó và ít, đọa xuống Tứ Ác Thú rất dễ và nhiều. Người xưa đã than:

*Lục đạo xoay vần không mối hở.
Vô thường xô đến vạn duyên buông!*

Khi còn tại thế, một hôm đức Phật dùng móng tay vít lên chút đất, rồi hỏi A Nan:

- Đất ở móng tay ta sánh với đất ở miền đại địa, cái nào nhiều hơn?

Ngài A Nan đáp:

- Bạch Thế Tôn! Đất của miền đại địa nhiều hơn đất của móng tay vô lượng phần không thể thí dụ!

Phật bảo:

MỤC C. BIẾT KHỔ PHẢI Ý THỨC ĐẾN SỰ GIẢI THOÁT

Tiết 6: Quán về sự khổ luân hồi (3)

- Cũng thế, A Nan! Chúng sanh sanh lên cõi trời người, như đất ở móng tay, đọa xuống ác thú, như đất của miền đại địa!

Thí dụ trên là những tiếng chuông mai để cho người tu xét suy tỉnh ngộ.

Nhiều kẻ không tin thiên đường địa ngục, nhưng các cõi ấy xác thật là có, trong kinh đức Phật đã chỉ bày rành rẽ, chỉ vì mắt phàm không thấy biết mà thôi.

Gần đây nhật báo có đăng nhiều chuyện thuộc phần siêu linh, chẳng hạn như việc ông Hai Huệ bị bắt xuống âm ty.

Lại cô ba Cháo Gà ở chợ Vòng Nhỏ tại Định Tường cũng tường trình việc hình phạt ở âm phủ trong quyển Địa Ngục Ký.

Đây có lẽ là chư Thiện Thần vì thấy người trần thế chìm trong biển tham sân si, nên dùng quyền cơ đưa người xuống địa ngục, để khi trở về nhơn gian thuật lại cho quần chúng biết đường tội phước, mà dứt dứt làm lành. Tóm lại, ba cõi đều vô thường, các pháp hữu vi không có chi là vui (*Tam giới giai vô thường. Chư hữu vô hữu lạc - Kinh Pháp Hoa*).

MỤC C. BIẾT KHỔ PHẢI Ý THỨC ĐẾN SỰ GIẢI THOÁT

Tiết 6: Quán về sự khổ luân hồi (4)

- Người niệm Phật phải cầu sanh về Tây Phương để thoát vòng sống chết luân hồi; lần lần tu chứng đến cảnh thường, lạc, ngã, tịnh của Niết Bàn, chớ không nên cầu sự phước lạc hư giả ở thế gian.
- Niệm Phật như thế mới hợp với mục đích giải thoát, với tâm từ bi cứu khổ ban vui của đức Thế Tôn.
- Và muốn được như vậy hành giả phải thường quán sát suy tư về Bát khổ của kiếp người cho đến nỗi khổ vô tận vô biên trong sáu cõi.
- Nếu chẳng quán như thế, thì tâm cầu giải thoát khó sanh, ý nguyện về Tây Phương không thiết, làm sao ngày kia bước lên bờ giác, dùng con thuyền bát nhã độ khắp bến mê?
- Khi xưa đức Phật đã than: *“Trong đời mạt pháp, các đệ tử ta chỉ đeo đuổi theo bên ngoài, ít ai quan niệm đến vấn đề sanh tử!”*
- Không tha thiết đến sự liễu thoát sanh tử là vì thiếu tri giác, do bởi không thiết thật quán xét nỗi khổ trong kiếp luân hồi. Những người này chẳng những phụ ơn Phật, mà cũng phụ cả chính mình, thật đáng tiếc thương đau xót!

MỤC C. BIẾT KHỔ PHẢI Ý THỨC ĐẾN SỰ GIẢI THOÁT

Tiết 7: Muốn sớm thoát khổ, nên tu Tịnh độ (5)

Nhiều vị học Phật, vì ưa chuộng huyền lý cao siêu, cho môn Niệm Phật là của ông già bà cả, hạng căn cơ thấp kém.

Nhưng họ đâu biết Tịnh Độ là cửa màu thâm diệu đi sâu vào Phật tánh, là con thuyền chí bảo để mau thoát khỏi luân hồi.

Cho nên có những bậc thượng căn vì chưa nhận thức Tịnh Độ, mà mãi bị trầm trệ trong nẻo mê tân.

Và có kẻ căn tánh chỉ tầm thường, nhưng do tu Tịnh Độ mà sớm bước lên đường giải thoát.

Xin thuật ra đây đôi chuyện để chư học giả so sánh:

1. Đời Đường bên Trung Hoa, nơi chùa Hương Sơn đất Lạc Dương có sư Thích Giám Không. Sư nguyên tục tánh họ Tề, người ở Ngô Quận.

Thuở còn nhỏ ông nghèo khổ, tuy học hành siêng năng nhưng ít ghi nhớ. Lớn lên, ưa làm thi văn song chỉ tầm thường. Ông hay đi lại vùng Ngô, Sở yết kiến hàng hầu bá, nhưng không được sự giúp đỡ bao nhiêu. Khi có tiền đầy xâu thì sanh đau yếu, tiền hết bệnh mới lành.

MỤC C. BIẾT KHỔ PHẢI Ý THỨC ĐẾN SỰ GIẢI THOÁT

Tiết 7: Muốn sớm thoát khổ, nên tu Tịnh độ (6)

Đầu niên hiệu Nguyên Hòa, ông đạo chơi xứ Tiền Đường, gặp năm mất mùa, nghĩ đến chùa Thiên Trúc để cầu thực. Nhưng vừa đi tới phía tây Cô Sơn Tự, ông đói quá không thể tiến bước nổi, liền lại ngồi bên bờ suối tuyết, rơi lệ ngâm vài câu bi phần. Thoạt có vị Phạn tăng theo dòng suối đến ngồi nhìn ông mỉm cười hỏi:

- Pháp sư đã nếm đủ hương vị lữ du chưa?
- Ông đáp:
- Hương vị lữ du có thể gọi đã nếm đủ, nhưng bỉ hơn tục danh là Quân Phòng, đã từng làm pháp sư đâu?

Phạn tăng nói:

- Ông không nhớ lúc giảng kinh Pháp Hoa ở chùa Đông Đức hay sao?" –

Đáp:

- Tôi từ khi sanh thân đến nay đã bốn mươi lăm tuổi, hằng bàng hoàng nơi vùng Ngô, Sở, chưa từng để bước đến kinh đô, đâu lại có chuyện giảng kinh ở miền Lạc Trung như thế?

MỤC C. BIẾT KHỔ PHẢI Ý THỨC ĐẾN SỰ GIẢI THOÁT

Tiết 7: Muốn sớm thoát khổ, nên tu Tịnh độ (7)

Phạn tăng bảo:

- Chắc ông bị lửa đói thiêu đốt, nên quên cả việc xưa rồi! Nói xong, liền lần trong dãy lấy ra một quả táo lớn ươm bằng nắm tay, trao cho và bảo:

- Quả táo này sản xuất ở nước của ta, bậc thượng trí ăn vào biết rõ việc quá khứ vị lai; người hạ căn cũng có thể nhớ được chuyện kiếp trước.

Ông tiếp lấy quả táo ăn xong, vốc nước suối uống, thoát mờ mệt muốn ngủ, liền tựa đầu, gối vào đá mà nằm. Giây phút tỉnh dậy, nhớ tiền thân làm pháp sư giảng kinh, cùng những bạn đồng tu, rõ rệt như việc ngày hôm qua, nhân rơi lệ hỏi rằng:

- Chấn Hòa Thượng bây giờ ở đâu?

Phạn tăng đáp:

- Công chuyên tinh chưa tới mức, nên chuyển sanh làm vị tăng ở đất Tây Thục, nay cũng đã dứt được vọng duyên.

MỤC C. BIẾT KHỔ PHẢI Ý THỨC ĐẾN SỰ GIẢI THOÁT

Tiết 7: Muốn sớm thoát khổ, nên tu Tịnh độ (8)

Lại hỏi:

- Thần Thượng Nhơn và Ngộ Pháp Sư hiện thời ra sao?

Đáp:

- Thần thượng nhơn tức duyên trả chưa xong. Còn Ngộ pháp sư bởi đứng trước tượng đá chùa Hương Sơn phát nguyện giỡn: “Nếu kiếp này tu không chứng đạo, thân sau nguyện là bậc quý thần,” nên hiện đã sanh làm đại tướng. Trong năm người bạn vân thủy khi xưa, duy ta được giải thoát, ba vị kia thì như thế, riêng người còn đói khổ nơi đây!”

Ông thượng khóc nói:

- Tôi kiếp trước hơn bốn mươi năm, ngày chỉ ăn một bữa, thân duy đắp một y, việc phù tục quyết dứt căn nguyên, có sao còn kém phước để đến nỗi hôm nay phải ra người đói khổ?”

Phạn tăng đáp:

MỤC C. BIẾT KHỔ PHẢI Ý THỨC ĐẾN SỰ GIẢI THOÁT

Tiết 7: Muốn sớm thoát khổ, nên tu Tịnh độ (9)

- Khi xưa ông ngồi trên pháp tòa hay nói nhiều việc dị đoan, khiến cho thính chúng sanh lòng nghi hoặc, lại giới hạnh còn có chỗ kém khuyết, nên phải bị báo ứng như hôm nay.

Nói đoạn, lấy trong bát ra một chiếc gương hai bề đều trong suốt, bảo rằng:

- Việc đã qua ta không làm sao hơn được, nhưng ông muốn biết số phận sang hèn thọ yếu về tương lai, cho đến việc đạo pháp hưng suy, nên nhìn vào sẽ rõ.

Ông tiếp lấy gương xem hồi lâu rồi giao lại tạ rằng:

- Sự báo ứng, lẽ vinh khổ, nhờ ơn đức của Ngài, nay đã biết được.

Phạn tăng cầm gương cất vào bát, nắm tay ông cùng đi, độ mười bước liền biến mất.

Đêm ấy ông vào chùa Linh Ẩn xin xuất gia, hiệu là Giám Không. Sau khi thọ giới Cụ Túc liền đi du phương tu hành, sự khổ tiết, cao hạnh ai cũng khen ngợi. Về sau Giám Không thiển sư gặp ông Liễu Sính ở chùa Thiên Trúc, tự trần thuật tiền nhân và bảo:

MỤC C. BIẾT KHỔ PHẢI Ý THỨC ĐẾN SỰ GIẢI THOÁT

Tiết 7: Muốn sớm thoát khổ, nên tu Tịnh độ (10)

- Tôi sống được bảy mươi bảy, tăng lạp ba mươi hai, nay chỉ còn chín năm nữa là thọ số mãn. Sau khi tôi tịch, Phật pháp còn được như ngày hôm nay chăng?

Sính nghe nói lạ, gạn hỏi. Sư không đáp, chỉ đòi bút viết mấy hàng nơi vách bắc lầu Tàng Kinh như sau:

"Hưng hạt cát, suy cát sông Hằng.

Thỏ đã bị lưới, chó vô sấn.

Trâu cọp giao tranh sừng với răng.

Ánh hoa đèn vẫn sáng nghìn năm."

Đây là lời tiên tri của sư:

- Câu trước nói về đạo pháp sẽ suy.
- Câu thứ hai chỉ cho sự phá đạo rất tàn khốc.
- Câu thứ ba ghi rõ thời gian hủy pháp ở vào năm Ất Sửu tiếp qua Bính Dần.
- Câu sau cùng nói: Tuy nhiên Phật pháp vẫn còn, ánh đạo không bị hủy diệt.

MỤC C. BIẾT KHỔ PHẢI Ý THỨC ĐẾN SỰ GIẢI THOÁT

Tiết 7: Muốn sớm thoát khổ, nên tu Tịnh độ (11)

Lời sấm trên ứng vào việc phá Phật pháp của Đường Võ Tôn. Ông vua này đã ra lệnh hủy hoại bốn mươi bảy ngàn ngôi chùa, ép buộc hơn hai mươi vạn bảy ngàn tăng ni hoàn tục. *(Trích Cao Tăng truyện, thiên Cảm Thông, tập 3).*

2- Đời Nguyên bên Trung Hoa:

Vào năm Canh Ngọ niên hiệu Chí Thuận ở vùng Triết Tây bị thất mùa liên tiếp. Trong thành Hàng Châu, dân chúng đói chết nằm ngổn ngang đầy đường.

Mỗi buổi sáng, quan phòng chánh mướn người khiên tử thi chở đem bỏ xuống hang núi, sau tháp Thái Hòa. Trong số tử thi có thấy một bà lão hơn mười hôm không hôi thúi, ngày nào cũng tự trời lên nằm trên các cây chết khác.

Chúng lấy làm lạ, vòng giây kéo đem lên, soát trong người thấy có túi vải đựng ba bức đồ niệm công cứ A Di Đà Phật.

Việc này truyền đến quan Hữu Tư, Ngài cho mua quan quách tản liệm và đem ra thiêu hóa. Khi củi đốt lên, trong khói lửa hiện ra tượng Phật, Bồ Tát, ánh sáng rực rỡ. Do nhân duyên đó, rất nhiều người phát tâm niệm Phật. *(Trích Sơn Am Tạp Lục).*

MỤC C. BIẾT KHỔ PHẢI Ý THỨC ĐẾN SỰ GIẢI THOÁT

Tiết 7: Muốn sớm thoát khổ, nên tu Tịnh độ (12)

Xem sự tích trên, ta thấy như ngài Giám Không kiếp trước từng làm giảng chủ; phù tục đã dứt căn nguyên, tu trì cũng nhiều tinh khổ, nhưng vì chưa chứng quả lại còn chút tì vết, nên phải chuyển thân làm kẻ sĩ đói khát khốn cùng. Kiếp xưa năm bạn đồng tu, chỉ một mình Phạn tăng được giải thoát.

- Ngoài ngài Giám Không lại còn sự tích cao tăng Viên Quán, do chưa sạch nghiệp, nên không thoát khỏi bào thai của nàng Vương Thị.
- Truyện Tỳ Kheu Pháp Vân từng làm đại pháp sư, nhân vì tham lợi dưỡng, sễn Phật pháp, nên bị đọa làm thân trâu.
- Truyện ngài Hải Ấn cũng thuộc hàng danh tăng, vì thọ người cúng dường, phải chuyển sanh làm con gái cho nhà thí chủ.
- Truyện ngài Mạt Sơn lai lịch phi phạm, nhưng bởi tức nghiệp từ vô lượng kiếp phát hiện, nên luân hồi làm kẻ ngu khờ, ghét người tu niệm.
- Truyện ngài Đoạn Nghĩa Nhai tham thiền đã được khai ngộ, kiếp sau chuyển sanh làm tăng, được người lễ bái cúng dường, tham hưởng phước mà quên đường giải thoát.

MỤC C. BIẾT KHỔ PHẢI Ý THỨC ĐẾN SỰ GIẢI THOÁT

Tiết 7: Muốn sớm thoát khổ, nên tu Tịnh độ (13)

- Truyện đệ tử của ngài Tuyệt Học Thành Công, thiền định đã tỏ suốt nguồn tâm, bởi chưa đắc đạo nên thân sau làm ông sư thông minh, động tâm xa hoa kiêu mạn, rồi từ đó không nghiệp ác gì chẳng làm.
- Truyện một ni cô tụng kinh Pháp Hoa ba mươi năm, vì tâm còn chưa dứt niệm sắc thính, nên kiếp sau đọa làm thân ca kỹ, tiếng thanh sắc đẹp nơi miệng thường bay ra mùi thơm hoa sen.
- Truyện vị cao tăng non Nhạn Đẳng, bởi chưa chứng đạo, kiếp sau là Tần Cối, do tiền căn đã có công tu niệm nên thông minh đỗ cao làm quan đến ngôi cực phẩm, song vì mê quyền quý, tạo điều gian ác để nhiều kiếp đọa tam đồ.
- Xem truyện tích xưa, còn biết bao trường hợp như thế nữa! Qua các gương trên, ta thấy nếu tự lực tu hành, khi chưa được nghiệp sạch tình không, lúc tái sinh tất phải mê muội, mười người đã rớt hết tám chín.

Còn như bà lão niệm Phật, tuy dốt đạo lý, chẳng hiểu chút chi về tông về giáo, nhưng nhờ thành tâm niệm Di Đà mà sau khi chết diễn ra nhiều điều kỳ lạ, đã chứng minh bà lão vãng sanh về Cực Lạc không còn nghi ngờ.

MỤC C. BIẾT KHỔ PHẢI Ý THỨC ĐẾN SỰ GIẢI THOÁT

Tiết 7: Muốn sớm thoát khổ, nên tu Tịnh độ (14)

- ✓ Cho nên tham thiền, tụng kinh cùng tu các môn khác là những điều quý báu nên làm, và đáng khuyến khích. Nhưng giữa thời mạt pháp này, cần phải tu thêm môn Niệm Phật, rồi đem tất cả công đức ấy hồi hướng về Tây Phương, mới bảo đảm khỏi luân hồi mê đọa.
- ✓ Nếu không lấy Tịnh Độ làm nơi quy hướng, thì công đức tu các môn khác chỉ gây căn lành phước báo, và nhân duyên đắc độ về sau mà thôi.
- ✓ Như thế, e cho khi chuyển sanh hôn mê tạo nghiệp phải bị trầm trệ lâu trong cảnh khổ luân hồi. Mấy ai thông minh như Ngô Đạt quốc sư, mười kiếp làm cao tăng tu thiền định, kiếp sau rốt mới mười bốn tuổi đã giảng suốt Kinh Niết Bàn. Nhưng vì một niệm đam mê trước tòa trầm hương nên bị tức bực ghẻ mặt người, sau trở lại niệm Phật mới được vãng sanh giải thoát.
- ✓ Những vị ỷ mình cao minh, ngoài miệng nói suốt lý huyền, chỉ trọng tự lực khinh thường niệm Phật, cũng nên xem gương trên mà để tâm suy nghĩ.

A religious painting depicting a group of Buddhist figures on a small boat navigating a turbulent, dark sea. The figures are dressed in traditional robes of red, orange, and white. A large, bright white sail is visible behind them, and a bright light emanates from the center of the boat. The sky is dark and stormy, with white clouds. The overall scene conveys a sense of spiritual journey and resilience.

**Giác hải hư không khởi
Ta Bà nghiệp sóng trào
Ai muốn lên bến giác
Cực Lạc sẵn thuyền về**

THUYỀN TỨ TẾ ĐỘ - TRỰC VANG TÂY PHƯƠNG